



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

CAMAU TRADING JOINT STOCK COMPANY- CAMEX

Trụ sở chính : 70-72 Đề Thám - P2 - TP. Cà Mau

Điện thoại : (0780) 3839220 - 3822678 - 3822847

Fax : (0780) 3834358

E-mail : tncm@tncm.com.vn

Website : www.tncm.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70-72 Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0780. 3839220 Fax: 0780. 3834358

Mã cổ phiếu: CMT

I) LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1)- Khái quát về quá trình hình thành, phát triển của Công ty:

Tiền thân của Công ty là Công ty Tổng hợp thị xã Cà Mau, được thành lập vào năm 1978, với chức năng là thu mua hàng nông lâm hải sản và phân phối hàng tiêu dùng. Trải qua hơn 30 năm, Công ty đã có nhiều chuyển biến thay đổi để phù hợp với xu hướng phát triển của đất nước.

Ngày 14/9/2007 Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau có Quyết định số 637/QĐ-UBND chuyển Công ty Thương nghiệp Cà Mau thành Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau. Ngày 01/12/2007, Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/01/2010.

*** *Vốn điều lệ Công ty đến ngày 31/12/2009 là: 80.499.860.000 VND được chia thành: 8.049.986 cổ phần***

- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Cơ cấu vốn cổ đông: Được nêu ở mục 3 phần VIII của báo cáo này.

*** *Trụ sở đăng ký của Công ty:***

- Địa chỉ: Số 70-72 Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại: 0780. 3839220, 3822678
- Fax: 0780. 3834358
- Email: tncm@tncm.com.vn
- Website: www.tncm.com.vn

2)- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Xăng, dầu (dầu, dầu nhớt), gas và vỏ bình gas, sang-chiết-nạp gas; Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điều các loại, nước giải khát, ăn uống; Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại; Hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại; Mua bán vật liệu xây dựng; Hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy; Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh; Quần áo may sẵn và đồ chơi trẻ em; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa; Kinh doanh trang thiết bị điện tử tin học, máy văn phòng; Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư và cơ sở hạ tầng khác, thi công các công trình: xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và san lấp mặt bằng...

3)- Định hướng phát triển:

- Đầu tư hệ thống phân phối bán hàng ngày càng chuyên nghiệp.
- Tiếp tục đầu tư mở rộng hệ thống kinh doanh vào thị trường nông thôn, các thị trấn thị tứ ở trong và ngoài tỉnh.
- Hợp tác triển khai các dự án nhằm mở rộng năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh, đa dạng ngành nghề, nâng cao thương hiệu của Công ty.

4)- Các sự kiện nổi bật trong năm 2009:

- 1- Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ nhất được tổ chức vào 8h sáng ngày 23/4/2009 tại Khách sạn Anh Nguyệt.
- 2- Tổ chức Hội nghị người lao động 8h sáng ngày 24/4/2009 tại Hội trường UBND tỉnh Cà Mau.
- 3- Được UBND tỉnh Cà Mau tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2008. Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 30/3/2009.
- 4- Được Thủ tướng tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2008. Quyết định số 726/QĐ-TTg ngày 02/6/2009.
- 5- Bằng khen của Bộ Tài chính. Quyết định số 1803/QĐ-BTC ký ngày 27/7/2009 về việc thực hiện tốt chính sách thuế năm 2008.
- 6- Bằng khen của UBND Tỉnh về đóng góp quỹ Vì người nghèo, quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Bằng khen của LĐLĐ Tỉnh.
- 7- Đạt giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2009 (Top 100) do Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam bình chọn.
- 8- Được xếp thứ 160 vào Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2009.
- 9- Là một trong Top 9 Doanh nghiệp tiêu biểu của tỉnh Cà Mau năm 2009.
- 10- Hoàn thành kho và văn phòng và đưa vào sử dụng Chi nhánh Kiên Giang vào ngày 13/10/2009.
- 11- Hoàn thành và đưa vào sử dụng Cửa hàng Xăng dầu Hưng Mỹ ngày 14/12/2009.

12- Hoàn thành kho, văn phòng và đưa vào sử dụng Cửa hàng Ngã Năm – Chi nhánh Sóc Trăng ngày 25/12/2009.

13- Nhân ngày Doanh nhân 13/10/2009 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc nhận Huân chương lao động hạng nhất.

II) BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1)- Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

- Tổng tài sản tăng từ 253,332 tỷ đồng lên 353,844 tỷ đồng tăng 39,6% so với năm 2008.

- Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác đạt: 2.890 tỷ đồng tăng 6% so với năm 2008, vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2009 là: 16%.

- Lợi nhuận trước thuế đạt: 46,590 tỷ đồng tăng 30% so với năm 2008, vượt chỉ tiêu kế hoạch là: 55%.

- Lợi nhuận sau thuế đạt: 34,993 tỷ đồng tăng 36% so với năm 2008, vượt kế hoạch 55%.

Như vậy trong năm 2009, Công ty tiếp tục vươn lên và đạt được kết quả phấn khởi về hiệu quả sản xuất kinh doanh, khẳng định xu thế phát triển bền vững của mình trong tương lai.

2)- Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Ngày 31/12/2009 Công ty chính thức tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 80,499.860 tỷ đồng từ việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1 và phát hành cho CB.CNV-NLĐ với tỷ lệ 5% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (bằng văn bản) để đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh.

- Công ty tiếp tục duy trì sự tăng trưởng cao và ổn định: Tổng doanh thu 2.890 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 46,590 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 34,993 tỷ đồng.

- Năm 2009 Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng mở rộng, phát triển mạng lưới kinh doanh với tổng trị giá 8,704 tỷ đồng.

a- Xây dựng Cửa hàng Xăng dầu Hưng Mỹ cấp II. Diện tích chung 2.592 m², diện tích xây dựng 1.440 m² với tổng trị giá 3,390 tỷ đồng.

b- Xây dựng văn phòng, kho, chi nhánh Ngã Năm thị xã Sóc Trăng. Diện tích xây dựng 711 m² với tổng trị giá 1,776 tỷ đồng.

c- Xây dựng văn phòng, kho, chi nhánh tại Kiên Giang. Diện tích xây dựng 1.093 m². Tổng trị giá 3,538 tỷ đồng.

Công tác quản lý đầu tư thực hiện nghiêm túc, đúng pháp luật và điều lệ Công ty quy định.

- Công ty đầu tư tài chính vào các Công ty: Công ty Cổ phần In Bạc Liêu, Công ty Sách-Thiết bị Cà Mau, Công ty Đầu tư và Xây dựng Cà Mau từ việc mua lại cổ phần vốn Nhà nước do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước thoái

vốn nhằm khai thác tiềm năng và lợi thế kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

3)- Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

- Thị trường chính của Công ty tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển, đồng thời Công ty luôn hướng tới việc nâng cao sự khác biệt về giá trị, chất lượng, sản phẩm và dịch vụ.

- Tiếp tục thực hiện các dự án đã hình thành, triển khai mục tiêu mở rộng sản xuất kinh doanh, hướng kinh doanh đa dạng ngành nghề sao cho phù hợp với tình hình thực tế, mang lại hiệu quả cao trong đầu tư.

- Quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, để doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và thu nhập của người lao động tăng trưởng ổn định.

- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, từ cán bộ quản lý đến nhân viên nghiệp vụ, có chính sách phù hợp trong đào tạo và tuyển dụng để phát huy năng lực và sự gắn bó lâu dài của người lao động với Công ty.

3.1. Chỉ tiêu kinh doanh năm 2010:

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010
01	Tổng doanh thu	2.800.000
02	Tổng lợi nhuận trước thuế	36.000
03	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.000
04	Lợi nhuận sau thuế	27.000
05	Tỷ lệ trả cổ tức	20%
06	Thu nhập bình quân NLĐ/người/tháng	5,5

4.2. Kế hoạch đầu tư:

Tiếp tục mua thêm 18.000 m² đất phía sau Tổng kho xăng dầu và Trạm chiết nạp gas với tổng số tiền 644 triệu đồng bằng nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển.

- Đầu tư mua quyền sử dụng đất tại ấp Tắc Thủ, huyện Thới Bình 3.850 m² trị giá 2,7 tỷ đồng xây dựng Cửa hàng Xăng dầu Tắc Thủ.

- Tiếp tục hoàn thiện thủ tục để kịp thời xây dựng giai đoạn I Cửa hàng Xăng dầu Sông Đốc. Tổng số vốn đầu tư 5 tỷ đồng bằng nguồn vốn vay ngân hàng.

- Đầu tư tài chính vào 3 Công ty: Công ty CP in Bạc Liêu, Công ty Đầu tư và Xây dựng Cà Mau, Công ty sách thiết bị trường học với tổng trị giá 13.091.349.200 đồng bằng hình thức tăng vốn điều lệ.

- Chào mua công khai 14% cổ phiếu quỹ của Công ty CP in Bạc Liêu với giá đấu thành công là 165.000 đồng/CP, tổng trị giá dự kiến là 1,622 tỷ đồng nhằm đưa

Công ty CP in Bạc Liêu là Công ty con Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau với tỷ lệ nắm giữ 55%.

III) BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1)- Báo cáo tình hình tài chính:

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản về cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời... được trình bày như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	22.46	19,59
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	77.54	80,41
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	66.05	67,02
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	33.95	32,98
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.26	0,22
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.51	1,49
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10.99	9,89
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	%	0.93	1,21
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	32.39	29,98

1.2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009:

ĐVT: Đồng

Tài sản		Nguồn vốn	
1. Tài sản ngắn hạn	284.530.183.152	1. Nợ phải trả	237.136.372.360
2. Tài sản dài hạn	69.314.009.364	2. Vốn chủ sở hữu	116.707.820.156
Tổng cộng:	353.844.192.516	Tổng cộng:	353.844.192.816

1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

- Vốn cổ đông đầu năm : 70.000.000.000 đồng
- Trong năm tăng thêm : 10.499.860.000 đồng

- Vốn cổ đông đến 31/12/2009: 80.499.860.000 đồng

1.4. Tổng số cổ phần theo từng loại:

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 8.049.986 cổ phiếu.

Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 8.049.986 cổ phiếu.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.049.986 cổ phiếu.

1.5. Dự kiến chia cổ tức năm 2009: 20% (2.000 đồng/cổ phần)

2)- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh:

Năm 2009, do tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế thế giới suy giảm và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp khó lường đã gây ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống xã hội.

Xét ở phạm vi doanh nghiệp Công ty Cổ phần thương nghiệp Cà Mau cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều, cụ thể là: Giá cả có nhiều biến động, chi phí đầu vào của doanh nghiệp tăng cao đều này đã tạo áp lực rất lớn cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc tính toán hiệu quả kinh doanh. Nhưng với sự nỗ lực của toàn thể người lao động trong Công ty nên kết quả kinh doanh năm qua đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	KH 2009	TH 2009	Tỷ lệ (%) so KH	Tỷ lệ (%) so cùng kỳ
01	Tổng doanh thu	2.500.000	2.890.000	116	106
02	Lợi nhuận trước thuế	30.000	46.590	155	130
03	Thuế TNDN	7.500	11.597	155	116
04	Lợi nhuận sau thuế	22.500	34.933	155	136

2.1. Hoạt động kinh doanh xăng dầu:

Hệ thống cửa hàng bán lẻ và đại lý bán lẻ xăng dầu của Công ty được duy trì ổn định và phát triển. Kết quả đạt được như sau:

- Tổng doanh thu thực hiện: 1.502.565.752.489 đồng
- Lợi nhuận thực hiện : 28.655.013.003 đồng

2.2. Hoạt động kinh doanh bách hóa:

Năm 2009, Công ty phát triển thêm được 03 cửa hàng, Chi nhánh góp phần tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.

- Doanh thu thực hiện : 1.095.634.703.987 đồng
- Lợi nhuận thực hiện : 10.279.920.000 đồng

2.3. Hoạt động kinh doanh của ngành hàng khác:

Tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển trong năm qua:

- Doanh thu thực hiện : 291.992.959.851 đồng
- Lợi nhuận thực hiện : 7.665.092.328 đồng

3)- Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Điều lệ tổ chức hoạt động đã được sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mẫu đối với các Công ty niêm yết và được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông nhất thông qua.

- Cập nhật quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động, quy chế đánh giá năng lực cán bộ quản lý và nhân viên. Thực hiện tốt chi trả tiền lương, tiền thưởng nhằm khuyến khích tăng năng suất và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

- Thực hiện tốt chính sách nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, bổ sung và luân chuyển cán bộ quản lý, đăng ký mới về thuế thu nhập cá nhân và tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

- Hưởng ứng tích cực phong trào thi đua, hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động xã hội, từ thiện trong nội bộ và ngoài Công ty.

IV) BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT:

(Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ)

1)- Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2009:

DVT: VNĐ				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		284.530.183.152	196.425.545.884
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	43.538.243.791	41.682.517.909
Tiền	111		43.538.243.791	41.682.517.909
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	7.942.393.798	2.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		7.942.393.798	2.000.000.000
Dự phòng đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.503.886.660	43.456.750.793
Phải thu khách hàng	131	5.3	51.935.302.324	45.361.769.148
Trả trước cho người bán	132		3.034.705.619	1.324.546.284
Các khoản phải thu khác	135	5.4	1.065.380.740	1.346.373.066
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	5.5	(3.531.502.023)	(4.575.937.705)
Hàng tồn kho	140	5.6	175.079.006.989	99.929.434.018
Hàng tồn kho	141		180.183.075.856	110.469.126.709
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(5.104.068.867)	(10.539.692.691)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.466.651.914	9.356.843.164
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		303.494.359	2.603.352.163
Thuế và các khoản khác phải thu N. Nước	154		-	4.732.037
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	5.163.157.555	6.748.758.964

TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69.314.009.364	56.907.411.452
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220	5.8	62.177.584.571	53.715.184.937
Tài sản cố định hữu hình	221		34.876.178.015	28.161.162.839
- Nguyên giá	222		61.289.979.138	50.830.595.396
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(26.413.801.123)	(22.669.432.557)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	27.301.406.556	25.548.932.185
- Nguyên giá	228		27.921.265.315	25.793.139.715
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(619.858.759)	(244.207.530)
Chi phí XDCB dở dang	230		-	5.089.913
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	6.383.040.000	1.709.088.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.749.850.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		1.988.086.200	2.188.086.200
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		(354.896.200)	(478.998.200)
Tài sản dài hạn khác	260		753.384.793	1.483.138.515
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	726.997.586	1.474.009.574
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		26.387.207	9.128.941
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		353.844.192.516	253.332.957.336

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
NỢ PHẢI TRẢ	300		237.136.372.360	167.330.983.331
Nợ ngắn hạn	310		237.134.185.522	167.202.127.443
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	75.940.000.000	30.028.989.268
Phải trả người bán	312	5.13	115.427.694.442	106.484.170.081
Người mua trả tiền trước	313	5.14	3.962.527.101	889.069.836
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	8.622.501.337	6.049.506.490
Phải trả người lao động	315		11.368.592.419	4.531.047.476
Chi phí phải trả	316		-	38.987.000
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	21.812.870.223	19.180.357.292
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Nợ dài hạn	330		2.186.838	128.855.888
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.186.838	128.855.888
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-

VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		116.707.820.156	86.001.974.005
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	111.820.496.778	82.534.451.089
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.499.860.000	70.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.750.000.000	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.584.768.973	2.722.977.805
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.042.384.486	1.361.488.902
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.704.034.407	954.817.939
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.239.448.912	7.495.166.443
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.887.323.378	3.467.522.916
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		4.887.323.378	3.467.522.916
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		353.844.192.516	253.332.957.336

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Đô la Mỹ (USD)		539,41	537,76
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

2)- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.890.272.663.291	2.973.058.805.244
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		79.246.964	53.126.530
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.890.193.416.327	2.973.005.678.714
Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.778.795.707.182	2.858.443.975.354
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.397.709.145	114.561.703.360
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.654.517.892	7.430.376.807
Chi phí tài chính	22	6.4	1.806.373.785	4.027.682.099

Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.058.656.392	2.427.774.857
Chi phí bán hàng	24	6.5	69.490.534.109	67.433.061.440
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	13.798.430.470	20.968.873.238
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.956.888.673	29.562.463.390
Thu nhập khác	31	6.7	16.652.889.238	9.666.148.184
Chi phí khác	32	6.8	19.752.580	520.778.101
Lợi nhuận khác	40		16.633.136.658	9.145.370.083
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.590.025.331	38.707.833.473
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		11.613.946.740	10.861.309.227
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(17.258.266)	(9.128.941)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.993.336.857	27.855.653.187
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61			
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		34.993.336.857	27.855.653.187
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	4.999	3.979

3)- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

ĐVT: VNĐ

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm nay	Năm trước
LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	46.590.025.331	38.707.833.473
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.120.019.795	4.210.280.164
- Các khoản dự phòng	03	(6.483.048.483)	15.594.628.596
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(106.274.800)	(132.487.563)
- Chi phí lãi vay	06	1.058.656.392	2.427.774.857
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	45.179.378.235	60.808.029.527
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	694.430.081	(38.489.711.785)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(69.997.764.733)	(110.469.126.709)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.644.392.409	159.935.817.846
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	747.011.988	(1.474.009.574)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.058.656.392)	(2.427.774.857)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.778.026.193)	(5.951.561.784)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.365.464.346	987.586.900
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.276.790.766)	(3.530.930.223)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.480.561.025)	59.388.319.341

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(10.395.182.027)	(5.732.835.978)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	200.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(16.692.243.798)	(2.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	106.274.800	132.487.563
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.781.151.025)	(7.600.348.415)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31	5.250.000.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.073.774.439.727	1.036.073.999.015
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.027.863.428.995)	(1.038.782.731.973)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.043.572.800)	(7.396.720.059)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	43.117.437.932	(10.105.453.017)

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	41.682.517.909	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	43.538.243.791	41.682.517.909

4)- Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA 02 CÔNG TY (NHÓM CÔNG TY)

1.1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần và Công ty TNHH

1.2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại

1.3. Ngành nghề kinh doanh :

- Xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điều các loại, nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

1.4. Tổng số công ty con : 01 công ty

1.5. Thông tin về công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ
Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt	Số 102, đường Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.	100%	100%

1.6. Thông tin về công ty liên kết được phản ánh vào báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 đường Hoàng Văn Thụ, P. 3, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	41%	41%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhóm Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con:

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu quyền kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng nhóm công ty, các giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

4.3. Các khoản phải thu thương mại, phải thu khác.

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác trừ dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán, phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lập dự phòng là 100%.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian (năm)
Tài sản cố định hữu hình:	
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định vô hình:	
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 – 50
Phần mềm kế toán	03

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn:

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi không quá 12 tháng. Đầu tư ngắn hạn được trình bày theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn:

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết đối với công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư trái phiếu được trình bày theo giá gốc, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư trái phiếu được hạch toán theo giá gốc.

Khoản đầu tư mua chứng khoán tại các tổ chức kinh tế niêm yết hoặc chưa niêm yết, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho các chứng khoán do doanh nghiệp đầu tư bị giảm giá so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán tại thời điểm kết thúc năm tài chính, các khoản vốn đầu tư vào các tổ chức kinh tế bị tổn thất do các tổ chức kinh tế bị lỗ.

4.7. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước được phân bổ theo đường thẳng.

4.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

4.11. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.

Trong năm 2009, nhóm công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp theo tỷ lệ sau:

Bảo hiểm xã hội trích trên tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế vào chi phí là 15% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 5%.

Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế vào chi phí là 2% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên tổng quỹ lương là 2%

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế vào chi phí là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1%.

4.12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông và được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng/(giảm) do phát hành cổ phiếu cao/(thấp) hơn mệnh giá.

4.13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận tại thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua.

Tiền lãi, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14. Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với cổ phiếu phổ thông, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty là các khoản lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ sau khi được điều chỉnh bởi cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, những khoản chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu.

4.15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Tiền mặt tại quỹ		
Đồng Việt Nam	14.928.688.269	12.891.476.777
Tiền gửi ngân hàng		
Đồng Việt Nam	28.600.909.840	28.782.422.692
Đô la Mỹ (USD)	8.645.682	8.618.440
Cộng	43.538.243.791	41.682.517.909

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 539,41 USD tương đương 8.645.682 VND.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Đầu tư ngắn hạn khác	(i) 7.942.393.798	2.000.000.000
Cộng	7.942.393.798	2.000.000.000

(i) Đây là khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Duyên Việt để sản xuất và phát hành lịch Bloc năm 2010.

5.3. Phải thu khách hàng

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Phải thu khách hàng mua Xăng dầu	4.603.960.127	2.826.978.340
Phải thu khách hàng mua hàng Bách hóa	28.574.224.033	25.154.371.071
Phải thu khách hàng mua hàng kim khí điện máy (trả góp)	14.947.624.340	12.792.997.918
Phải thu khách hàng mua Vật liệu xây dựng	3.349.227.554	3.560.440.111
Khác	460.266.270	1.026.981.708
Cộng	51.935.302.324	45.361.769.148

5.4. Phải thu khác

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Phải thu chi phí cho nhân viên tiếp thị	450.125.717	280.662.574
Giá trị hàng thiếu khi kiểm kê	356.435.898	-
Giá trị hàng gửi bảo hành	119.804.800	-
Lãi trái phiếu, cổ phiếu	16.936.944	261.936.944
Khác	122.077.381	803.773.548
Cộng	1.065.380.740	1.346.373.066

5.5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Phải thu về hàng kim khí điện máy bán trả góp	1.903.294.000	3.357.347.000
Phải thu về hàng bách hóa	1.470.747.074	930.624.029
Phải thu về xăng dầu	140.988.527	234.605.254
Khác	16.472.422	53.361.422
Cộng	3.531.502.023	4.575.937.705

5.6. Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Hàng mua đang đi đường	84.173.255.133	273.185.510
Hàng hóa	96.009.820.723	110.195.941.199
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.104.068.867)	(10.539.692.691)
Cộng	175.079.006.989	99.929.434.018

5.7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Tài sản thiếu chờ xử lý trong kiểm kê	24.694.765	273.343.300
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.052.828.125	3.524.266.000
Tạm ứng cho nhân viên	1.085.634.665	2.951.149.664
Cộng	5.163.157.555	6.748.758.964

5.8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2009	35.037.640.839	2.633.800.670	11.458.976.447	1.089.990.604	610.186.836	50.830.595.396
- Mua trong năm	-	646.000.000	544.618.268	362.616.376	-	1.553.234.644
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7.536.866.439	1.369.282.659	-	-	-	8.906.149.098
Số dư tại ngày 31/12/2009	42.574.507.278	4.649.083.329	12.003.594.715	1.452.606.980	610.186.836	61.289.979.138
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại ngày 01/01/2009	12.468.486.473	2.372.855.484	6.670.654.841	603.150.694	554.285.065	22.669.432.557
- Khấu hao trong năm	2.119.355.807	248.775.312	1.126.875.133	239.882.816	9.479.498	3.744.368.566
Số dư tại ngày 31/12/2009	14.587.842.280	2.621.630.796	7.797.529.974	843.033.510	563.764.563	26.413.801.123
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2009	22.569.154.366	260.945.186	4.788.321.606	486.839.910	55.901.771	28.161.162.839
Tại ngày 31/12/2009	27.986.664.998	2.027.452.533	4.206.064.741	609.573.470	46.422.273	34.876.178.015

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: Không
 Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.465.265.591 VND
 Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: Không

Trong năm 2009, công ty có ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình là hệ thống thiết bị chiết nạp gas với nguyên giá tạm tính theo hợp đồng kinh tế là 1.369.282.659 VND. Thiết bị này đã được Công ty đưa vào sử dụng trong năm 2009, đã trích khấu hao đến ngày 31/12/2009 là 50.000.000 VND.

5.9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2009	25.105.918.235	687.221.480	25.793.139.715
- Mua trong năm	1.966.125.600	162.000.000	2.128.125.600
Số dư tại ngày 31/12/2009	27.072.043.835	849.221.480	27.921.265.315
GIÁ TRỊ HAO MÒN			

Số dư tại ngày 01/01/2009	4.550.000	239.657.530	244.207.530
- Khấu hao trong năm	146.577.397	229.073.832	375.651.229
Số dư tại ngày 31/12/2009	151.127.397	468.731.362	619.858.759
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2009	25.101.368.235	447.563.950	25.548.932.185
Tại ngày 31/12/2009	26.920.916.438	380.490.118	27.301.406.556

5.10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(i)	4.749.850.000	-
Đầu tư dài hạn khác	(ii)	1.988.086.200	2.188.086.200
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(iii)	(354.896.200)	(478.998.200)
Cộng		6.383.040.000	1.709.088.000

(i) Đầu tư vào Công ty cổ phần In Bạc Liêu. Tỷ lệ sở hữu là 41% trên vốn điều lệ của công ty liên kết là 7.000.000.000 VND.

Do Khoản đầu tư được ghi nhận vào ngày 30/12/2009, nên trong báo cáo tài chính hợp nhất chưa phản ánh phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết.

(ii) Chi tiết cổ phiếu của từng công ty :

	31/12/2009		01/01/2009	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sabeco Sông Hậu	2.150	21.500.000	2.150	21.500.000
Công ty Cổ phần Vật Tư Xăng Dầu Petec	30.000	312.000.000	30.000	312.000.000
Công ty Cổ phần Cà Phê Petec	43.800	426.000.000	43.800	426.000.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Cần thơ	3.200	74.800.000	3.200	74.800.000
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 2	21.100	553.706.200	21.100	553.706.200
Công ty Cổ phần Kinh Đô	1.500	200.000.000	1.500	200.000.000
Trái phiếu chính phủ		400.000.000		600.000.000
Cộng		1.988.086.200		2.188.086.200

(iii) Chi tiết cổ phiếu lập dự phòng giảm giá tại ngày 31/12/2009:

Loại cổ phiếu	Dự phòng giảm giá đầu tư năm 2008	Hoàn nhập dự phòng năm 2009	Dự phòng giảm giá đầu tư năm 2009
Cổ phiếu Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 2	326.248.200	(80.602.000)	245.646.200
Cổ phiếu Công ty CP Kinh Đô	152.750.000	(43.500.000)	109.250.000
Cộng	478.998.200	(124.102.000)	354.896.200

5.11. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Lợi thế thương mại	(i) 708.093.553	1.416.187.117
Công cụ dụng cụ	18.904.033	57.822.457
	726.997.586	1.474.009.574

(i) Giá trị lợi thế thương mại phát sinh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp nhà nước chuyển sang cổ phần hóa, Công ty phân bổ trong 3 năm, bắt đầu từ năm 2008

5.12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	(VND)	(VND)
Vay Ngân hàng Công Thương- CN Cà Mau	(i) 20.000.000.000	
Vay Ngân hàng Ngoại Thương- CN Cà Mau	(ii) 55.940.000.000	30.028.989.268
Cộng	75.940.000.000	30.028.989.268

(i) Đây là khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 09.015.062/HDTD và phụ lục số 01/PLHDTD ngày 07/08/2009:

Hạn mức vay:	26.000.000.000
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất vay:	10,5%/ năm
Lãi suất được hỗ trợ	4%/ năm
Thời hạn vay:	2 tháng
Hình thức đảm bảo tiền vay:	Tín chấp
Dư nợ đến ngày 31/12/2009	20.000.000.000

(ii) Chi tiết khoản vay gồm 02 hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 3650/NHNT ngày 27/11/2009

Hạn mức vay:	60.000.000.000
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất vay:	10,5%/ năm
Lãi suất được hỗ trợ	4%/ năm
Thời hạn vay:	2 tháng
Hình thức đảm bảo tiền vay:	Tín chấp
Dư nợ đến ngày 31/12/2009	47.240.000.000

- Hợp đồng tín dụng số 3003/NHNT ngày 01/10/2009

Hạn mức vay:	60.000.000.000
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất vay:	10,5%/ năm
Lãi suất được hỗ trợ	4%/ năm
Thời hạn vay:	2 tháng
Hình thức đảm bảo tiền vay:	Tín chấp
Dư nợ đến ngày 31/12/2009	8.700.000.000

5.13. Phải trả người bán

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Phải trả nhà cung cấp xăng dầu	83.415.946.852	81.913.536.011
Phải trả nhà cung cấp hàng bách hóa	20.117.667.164	11.279.658.037
Khác	11.894.080.426	13.290.976.033
Cộng	115.427.694.442	106.484.170.081

5.14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Người mua trả trước tiền xăng dầu	3.810.863.956	830.926.177
Khác	151.663.145	58.143.659
Cộng	3.962.527.101	889.069.836

5.15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	1.874.652.269	74.445.001
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.563.671.101	5.778.560.217
Thuế thu nhập cá nhân	184.177.967	195.501.272
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.000.000
Cộng	8.622.501.337	6.049.506.490

5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Tài sản thừa chờ giải quyết	63.438.183	313.506.225
Kinh phí công đoàn	669.843.840	380.066.110
Bảo hiểm xã hội	98.326.240	149.466.961
Bảo hiểm y tế	-	5.295.510
Bảo hiểm thất nghiệp	175.106.128	-
Phải trả về cổ phần hóa	204.905.269	163.788.269
Phải trả, phải nộp khác (i)	20.601.250.563	18.168.234.217
Cộng	21.812.870.223	19.180.357.292

(i) Chi tiết phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2009:

Phải trả Sở Tài chính Cà Mau	9.711.546.417
Quỹ đoàn thanh niên	64.243.151
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	285.688.350
Quỹ Công Đoàn	530.916.515

Lãi bán hàng trả góp	5.208.230.921
Cổ tức phải trả cho cổ đông	4.104.183.200
Hàng kiểm kê phát hiện thừa (xăng dầu)	329.240.099
XN Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn(PV Oil Sài Gòn)	276.619.444
Khác	90.582.466
Cộng	20.601.250.563

5.17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của Chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước							
Tăng vốn trong năm trước	70.000.000.000	-	-	-	-	-	70.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	27.855.653.187	27.855.653.187
Trích lập các quỹ	-	-	1.361.488.902	2.722.977.805	954.817.939	(5.039.284.646)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(2.721.202.098)	(2.721.202.098)
Tạm chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	70.000.000.000	-	1.361.488.902	2.722.977.805	954.817.939	7.495.166.443	82.534.451.089
Tăng vốn trong năm nay	10.499.860.000	1.750.000.000	-	(2.500.000.000)	-	(4.499.860.000)	5.250.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	34.993.336.857	34.993.336.857
Trích lập các quỹ (*)	-	-	1.680.895.584	3.361.791.168	1.344.716.468	(6.387.403.220)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(3.361.791.168)	(3.361.791.168)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(595.500.000)	-	(595.500.000)
Chia cổ tức năm trước và tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	80.499.860.000	1.750.000.000	3.042.384.486	3.584.768.973	1.704.034.407	21.239.448.912	111.820.496.778

(*) Đây là số liệu tạm trích, chờ đại hội cổ đông thông qua

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009		01/01/2009	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Vốn Nhà nước	30.800.000.000	38,26	28.000.000.000	40,00
Vốn góp của đối tượng khác	49.699.860.000	61,74	42.000.000.000	60,00
+ Nhà đầu tư chiến lược	20.397.230.000	25,34	23.442.940.000	33,49
+ Công nhân viên	11.076.340.000	13,76	5.239.610.000	7,49
+ Công đoàn cơ sở	1.843.540.000	2,29	1.621.000.000	2,32
+ Cổ đông bên ngoài	16.382.750.000	20,35	11.696.450.000	16,70
Cộng	80.499.860.000	100,00	70.000.000.000	100,00

Cổ tức chia trong năm:

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
Chia cổ tức của năm trước	2.800.000.000	
Tạm ứng cổ tức trong năm	4.200.000.000	12.600.000.000
Cộng	7.000.000.000	12.600.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Cổ phiếu phổ thông :		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.049.986	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.049.986	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.049.986	7.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Cổ phiếu ưu đãi: Không

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2009 (VND)	2008 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.890.272.663.291	2.973.058.805.244
Doanh thu Xăng Dầu	1.502.565.752.489	1.802.016.551.558
Doanh thu hàng Bách hóa	1.077.941.026.857	932.817.209.246
Doanh thu hàng hóa khác	291.992.959.851	226.739.362.044
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.772.924.094	11.485.682.396
Các khoản giảm trừ doanh thu:	79.246.964	53.126.530
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.890.193.416.327	2.973.005.678.714

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
Giá vốn Xăng dầu	1.469.248.812.876	1.748.722.183.760
Giá vốn hàng Bách hóa	1.035.073.195.532	896.719.063.531
Giá vốn hàng hóa khác	274.473.698.774	213.002.728.063
Cộng	2.778.795.707.182	2.858.443.975.354

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	430.582.049	5.092.298.850
Lãi bán hàng trả chậm, trả góp	1.900.447.800	1.992.527.531
Cổ tức, lợi nhuận được chia	106.274.800	132.487.563
Chiết khấu thanh toán được hưởng	332.983.532	53.062.863
Lãi hoạt động tài chính khác	884.229.711	160.000.000
Cộng	3.654.517.892	7.430.376.807

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
Chi phí lãi vay	1.058.656.392	2.427.774.857
Chiết khấu thanh toán	15.574.800	114.031.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	478.998.200
Hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn	(124.102.000)	-
Chi phí tài chính khác	856.244.593	1.006.878.042
Cộng	1.806.373.785	4.027.682.099

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
Chi phí nhân viên	25.188.557.087	20.179.599.770
Chi phí vật liệu, bao bì	610.585.592	998.895.557
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.148.534.646	1.863.045.086
Chi phí khấu hao TSCD	4.004.919.165	4.150.554.766
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.406.239.744	24.870.306.572
Chi phí bằng tiền khác	18.131.697.875	15.370.659.689
Cộng	69.490.534.109	67.433.061.440

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
Chi phí nhân viên	11.296.846.303	9.955.796.728
Chi phí vật liệu quản lý	434.569.253	355.665.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.100.630	59.725.399
Thuế, phí, lệ phí	430.715.950	493.837.209
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	4.575.937.705
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.040.435.682)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.422.968.307	2.525.354.258
Chi phí bằng tiền khác	1.138.665.709	3.002.556.066
Cộng	13.798.430.470	20.968.873.238

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
Thu từ các khoản thưởng, chiết khấu, hỗ trợ bán hàng	13.989.833.599	8.734.421.120
Thanh lý tài sản cố định	-	585.108.224
Thu từ các khoản nợ đã xóa	5.313.500	39.574.000
Thu nhập từ các khoản vi phạm hợp đồng	46.155.000	21.760.000
Thu nhập từ hàng thừa	160.696.462	130.988.499
Thu nhập từ hàng khuyến mãi của nhà PP	2.337.737.002	144.406.901
Khác	113.153.675	9.889.440
Cộng	16.652.889.238	9.666.148.184

6.8. Chi phí khác

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
Thanh lý TSCĐ	-	415.402.777
Phạt hành chính	14.350.000	100.340.828
Khác	5.402.580	5.034.496
Cộng	19.752.580	520.778.101

6.9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.993.336.857	27.855.653.187
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông :		

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cổ đông sở hữu CP phổ thông	34.993.336.857	27.855.653.187
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.000.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	4.999	3.979

(*)Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Ngày	Giao dịch	Số lượng cổ phiếu	Số cổ phiếu bình quân
01/01/2009	Đầu kỳ	7.000.000	7.000.000
31/12/2009	Phát hành	1.049.986	-
Cộng		8.049.986	7.000.000

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương ban Tổng giám đốc	545.780.380	383.558.408
Thù lao HĐQT & Ban kiểm soát	356.000.000	172.800.000
Cộng	901.780.380	556.358.408

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Công ty liên kết
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành Viên	Nhà đầu tư
Công ty TMKT và Đầu tư Petec	Nhà đầu tư

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt</i>		
Bán hàng	110.262.990	78.738.495
Mua hàng	48.237.554.973	14.493.884.586
Cho mượn tiền	1.800.000.000	3.655.413.689
Thu hồi tiền cho mượn	4.258.544.552	-
<i>Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành Viên</i>		
Mua hàng	549.024.260.512	1.154.054.203.868
<i>Công ty TMKT và Đầu tư Petec</i>		
Mua hàng	911.288.875.788	546.514.982.676

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt</i>		
Phải thu tiền cho mượn	1.800.000.000	3.655.413.689
Phải trả tiền hàng	73.075.771	122.598.475
<i>Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành Viên</i>		
Phải trả tiền hàng	1.791.000.000	27.890.679.363
Cổ tức phải trả	1.050.000.000	-
<i>Công ty TMKT và Đầu tư Petec</i>		
Phải trả tiền hàng	81.108.498.452	43.816.939.317
Cổ tức phải trả	804.294.000	-

V) BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:

1)- Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Cty TNHH BDO Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ
Địa chỉ: 237A Đường 30 tháng 04, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710. 3827888
Fax: 0710.3823209
- Ý kiến kiểm toán độc lập

Công ty TNHH BDO Việt Nam – Chi Nhánh Cần Thơ sau khi tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau cho niên

độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được thực hiện theo các quy định của chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam có ý kiến như sau:

*“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của **Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau**, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.*

2)- Kiểm toán nội bộ: không có

VI) CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ (tính đến ngày 31/12/2009).

*** Công ty TNHH một thành viên Bách Việt**

+ Địa chỉ: Số 102 Phan Đình Phùng – Phường 2 – TP. Cà Mau- Tỉnh Cà Mau

+ Điện thoại: (0780) 2241101 Fax: (0780) 3831800

+ Email: ctybachviet@gmail.com

+ Ngành nghề kinh doanh: Hàng bách hóa, công nghệ thực phẩm.

+ Tóm tắt tình hình tài chính năm 2009:

• Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng

Trong đó: 100% vốn của Công ty mẹ.

• Tổng doanh thu : 93.106.400.901 đồng

• Tổng giá vốn : 86.887.380.674 đồng

• Tổng chi phí : 4.483.840.073 đồng

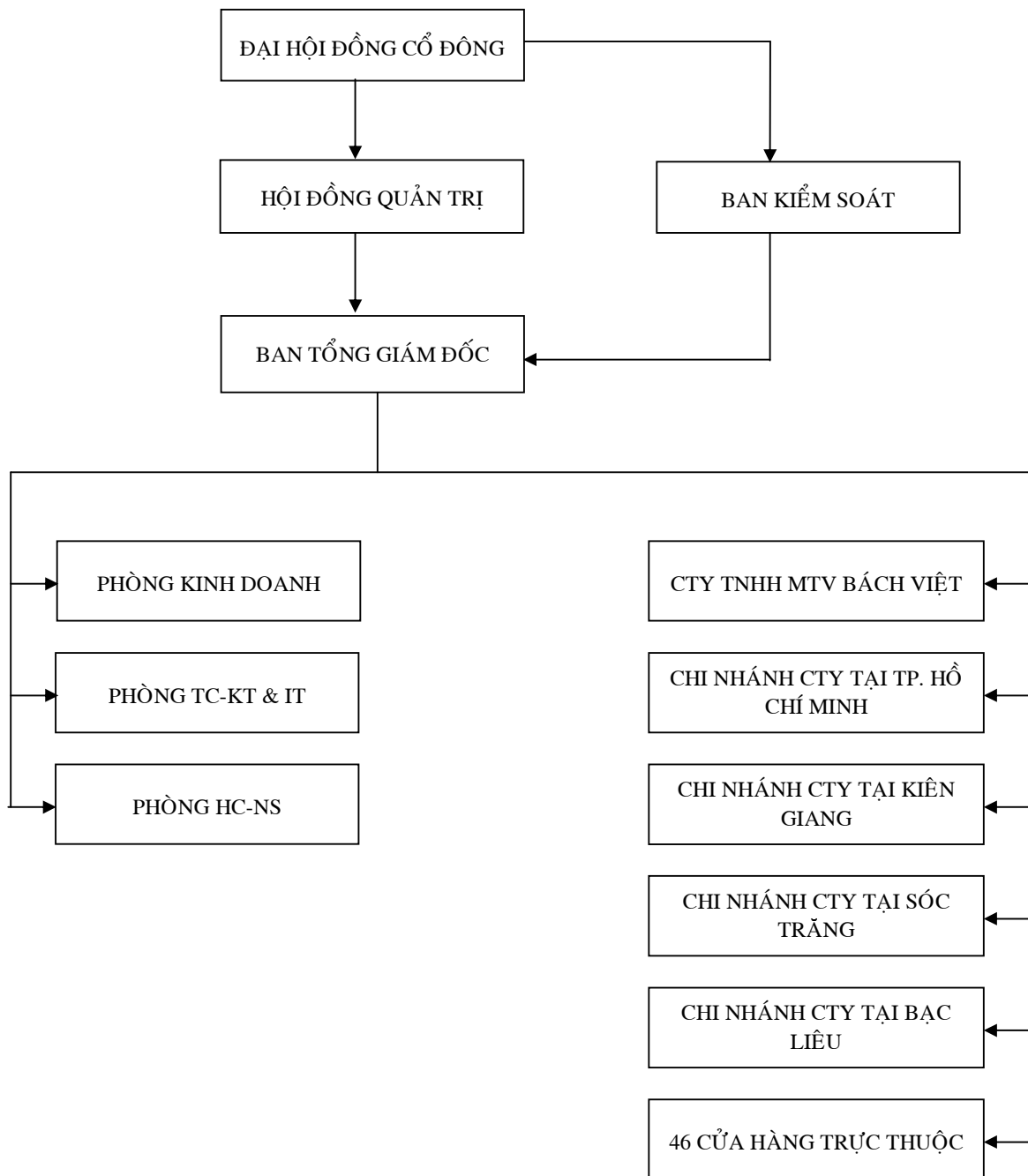
• Lợi nhuận trước thuế: 1.735.180.154 đồng

VII) TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

- Công ty được tổ chức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp.

- Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và 03 phòng ban, 01 đơn vị thành viên, 04 Chi nhánh và 44 Cửa hàng trực thuộc.

*** Sơ đồ cơ cấu tổ chức:**



2)- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

2.1. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty:

Tính đến 31/12/2009 tổng số lao động của Công ty là 491 người

2.2. Chính sách đối với người lao động:

- Chính sách đào tạo:

Công ty quan tâm việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu định hướng phát triển của Công ty trước mắt và các năm tiếp theo từ đó đã tạo điều kiện cho người lao động tham gia các khóa tập huấn, học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như: Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, gas; kỹ năng giao tiếp phục vụ, khách hàng và các lớp nghiệp vụ về công tác quản lý, kinh doanh tài chính nhân sự lao động...

- Chính sách tiền lương:

Năm 2009 Công ty đã điều chỉnh, bổ sung quy chế trả lương và phân phối tiền thưởng phù hợp với điều kiện, đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở chế độ chính sách của Nhà nước quy định và theo nguyên tắc làm công việc gì, chức vụ gì, hưởng lương theo công việc chức vụ đó, gắn với năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc đảm nhận của từng người.

- Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ chính sách chế độ quy định của Nhà nước đối với người lao động như: Hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, nghỉ phép, chế độ thai sản, ốm đau, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại... Đầu năm 2009 đã tổ chức 04 chuyến cho 320 người lao động đi tham quan du lịch tại Nha Trang - Vinpearland.

VIII) THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1)- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát:

1.1. Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu nhiệm kỳ 05 năm (2008-2012).

- Ngày 23/4/2009 ông Phù Chí Anh được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 bầu vào Hội đồng quản trị.

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm rất cao, đưa ra các quyết định đúng đắn vì lợi ích cao nhất của Công ty.

- Năm 2009 HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp (trong đó 03 cuộc họp thường kỳ và 05 cuộc họp đột xuất) và đã thống nhất ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị với nội dung quyết định các mục tiêu, chiến lược thực hiện phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thành phần HĐQT:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Bà Nguyễn Thị Việt Anh	Chủ tịch	28/11/2007	
02	Ông Nguyễn Minh Trực	Thành viên	28/11/2007	
03	Ông Lê Xuân Trình	Thành viên	28/11/2007	
04	Ông Thái Trường An	Thành viên	28/11/2007	
05	Ông Phù Chí Anh	Thành viên	23/04/2009	

- Tóm tắt lý lịch HĐQT:

a/- Bà Nguyễn Thị Việt Anh:

- Giới tính : Nữ
- Sinh ngày : Ngày 01 tháng 12 năm 1956
- Nơi sinh : Xã Trần Hợi – Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Trần Hợi – Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: Số 184 Ngô Quyền – K1 – P9 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : CQ: 0780. 3822772 ĐD: 0913. 893233
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế – Khoa Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 6/1975 đến tháng 8/1978 công tác tại UBND thị xã Cà Mau và Phòng Thống kê - Kế hoạch thị xã Cà Mau.
 - + Từ tháng 8/1978 đến tháng 11/1982 chuyển về Cửa hàng bách hoá tổng hợp thị xã Cà Mau làm Kế toán trưởng Cửa hàng.
 - + Từ tháng 11/1982 thành lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau (nay là Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Giám đốc, Giám đốc Cty.
 - + Từ 28/11/2007 Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đến nay.
- Số cổ phần nắm giữ: 235.125 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 441.830 cổ phần
 - Trong đó: + Ông: Nguyễn Văn Hậu: 260.150 cổ phần
 - + Em ruột: Nguyễn Việt Hùng: 80.465 cổ phần
 - + Em ruột: Nguyễn Thị Việt Ngọc: 65.715 cổ phần
 - + Em ruột: Nguyễn Việt Phụng: 5.500 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b/- Ông Nguyễn Minh Trước:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 07 tháng 01 năm 1954

- Nơi sinh : Sơn Dương, Tuyên Quang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đại Đồng, Tiên Du, Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: Số 63 Đào Duy Anh, P9, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại cơ quan: (84-8) 39303299 - 3903633
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy và thiết bị Dầu khí.
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 8/1977 - 3/1983: Cán bộ Tổng Công ty nhập khẩu Thiết bị toàn bộ – Bộ Ngoại Thương.
 - + Từ tháng 4/1983 - 8/1983: Cán bộ Công ty nhập khẩu Thiết bị và Kỹ thuật Dầu khí – BNT.
 - + Từ tháng 9/1983 - 6/1990: Đại diện Công ty NK Thiết bị và kỹ thuật Dầu khí tại Liên Xô (cũ).
 - + Từ tháng 7/1990 - 9/1993: Trưởng phòng Công ty XNK Dầu khí Petechim – Bộ Ngoại Thương.
 - + Từ tháng 10/1993 - 4/1998: Phó Giám đốc Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC.
 - + Từ tháng 5/1998 đến nay: Giám đốc Công ty PETEC – Bộ Công Thương.
- Số cổ phần nắm giữ: 884.723 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

c/- Ông Lê Xuân Trình:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 16 tháng 01 năm 1961
- Nơi sinh : Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 91/18A1 đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: CQ: 08-39106990 DB: 0903. 800173
- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư kinh tế, Kỹ sư Địa Vật lý.
- Quá trình công tác:

12/2006 – 06/2008	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).
07/2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam.

- Số cổ phần nắm giữ: 1.155.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

d/- Ông Thái Trường An:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 12 tháng 10 năm 1970
- Nơi sinh : Xã Khánh Hòa – Huyện U Minh – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Khánh Hòa – Huyện U Minh – Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: Số 91 Nguyễn Du – Phường 5 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau.
- Số điện thoại: CQ: 0780. 3839499 ĐD: 0913. 893491
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính-Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 09/1992 -> 10/1994 Kế toán Công ty Liên doanh Euro Gành Hào.
 - + Từ tháng 11/1994 -> 03/1997 Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 04/1997 -> 01/2007 Kế toán trưởng Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ 02/2007 -> 11/2007 Phó Giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ 28/11/2007 Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được bầu làm Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau đến nay.
- Số cổ phần nắm giữ: 83.350 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 3.926 cổ phần
 - Trong đó:
 - Vợ: Đặng Cẩm Lệ: 3.261 cổ phần
 - Em ruột: Thái Thị Thùy Trang: 665 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

e/- Ông Phù Chí Anh:

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : Ngày 23 tháng 8 năm 1974
- Nơi sinh : TP. Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Hoa
- Quê quán : Tỉnh Ninh Thuận
- Địa chỉ thường trú: Số 165/16 Rạch Chùa – Phường 4 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Số điện thoại: CQ: 0780. 3839220 ĐD: 0913. 699669
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 02/1998 -> 12/2001 Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
 - + Từ tháng 01/2002 -> 01/2007 Phó phòng Kinh tế-Kỹ thuật Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 02/2007 -> 11/2007 Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính-Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ 12/2007 đến nay Kế toán trưởng Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Ngày 23/4/2009 Đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2009 và được bầu vào Ủy viên HĐQT Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.
- Số cổ phần nắm giữ: 49.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 2.545 cổ phần
 - Trong đó: - Vợ: Quách Duy Tâm: 2.545 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

1.2. Ban Tổng Giám đốc điều hành:

- Ban Tổng Giám đốc điều hành có 03 thành viên, đứng đầu là Tổng Giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện hoàn thành các quyết định của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên ban điều hành đã sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực của Công ty trong năm qua.

- Thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Bà Nguyễn Thị Việt Anh	Tổng Giám đốc	28/12/2007	
02	Ông Thái Trường An	Phó TGD	28/12/2007	
03	Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó TGD	30/12/2009	
04	Ông Phù Chí Anh	Kế toán trưởng	28/11/2007	

- Tóm tắt lý lịch Ban Tổng Giám đốc:

a/- Tổng Giám đốc - Bà Nguyễn Thị Việt Anh: (Như điểm a phần 1.1)

b/- Phó Tổng Giám đốc - Ông Thái Trường An: (Như điểm d phần 1.1)

c/- Phó Tổng Giám đốc - Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc:

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : Ngày 19 tháng 05 năm 1971
- Nơi sinh : Thị xã Cà Mau – Tỉnh Minh Hải
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thị xã Cà Mau – Tỉnh Minh Hải
- Địa chỉ thường trú: Số 90A/58 Âu Dương Lân, P3, Q8, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: CQ: 0780. 3831072 ĐD: 0903. 662349
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Thương mại
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 6/1994 đến tháng 3/1998 Nhân viên Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 4/1998 đến tháng 11/2002 Kế toán Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 12/2002 đến tháng 11/2004 Phó Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 12/2004 đến tháng 6/2008 Trưởng Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Cty CP Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 7/2008 đến 12/2009 Trưởng Chi nhánh Cty tại TP. Hồ Chí Minh.
 - + Từ tháng 01/2010 đến nay Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.
- Số cổ phần nắm giữ: 65.715 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 388.905 cổ phần

Trong đó: + Chị ruột: Nguyễn Thị Việt Ánh: 235.125 cổ phần

+ Anh ruột: Nguyễn Việt Hùng: 80.465 cổ phần

+ Chị ruột: Nguyễn Việt Phượng: 5.500 cổ phần

+ Chồng: Phan Tiến Dũng: 67.815 cổ phần

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

d/- Kế toán trưởng - Ông Phù Chí Anh: (Như điểm e phần 1.1)

1.3. Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát có 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động và điều hành của Công ty. Ban Kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

- Các thành viên Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông Trần Chí Hiếu	Trưởng ban	28/11/2007	
02	Ông Tô Hiếu Thuận	Thành viên	28/11/2007	
03	Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên	28/11/2007	

- Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm soát

a/- Ông Trần Chí Hiếu:

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : Ngày 05 tháng 7 năm 1962

- Nơi sinh : Xã An Xuyên – Thành phố Cà Mau – Tỉnh Cà Mau

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Xã An Xuyên – Thành phố Cà Mau – Tỉnh Cà Mau

- Địa chỉ thường trú: 219 Lý Thường Kiệt – Phường 6 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0780. 2241101 ĐD: 0913. 893498

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính-Kế toán

- Quá trình công tác:

- + Từ tháng 09/1981 -> 04/1997 giữ các chức vụ: Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
- + Từ tháng 05/1997 -> 11/2007 Phó Giám đốc Cty Thương nghiệp Cà Mau.
- + Từ tháng 12/2007 đến nay giữ các chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau, Giám đốc Cty TNHH một thành viên Bách Việt.
- Số cổ phần nắm giữ: 46.560 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b/- Ông Tô Hiếu Thuận:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 13 tháng 08 năm 1971
- Nơi sinh : Quận Nhì – Sài Gòn (TP. Hồ Chí Minh)
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Đông Hoàng, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú: 343/40A Tô Hiến Thành, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại liên lạc: DD: 0913.700777 – 0916.987777
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế – Quản trị kinh doanh trường Lincoln University-USA.
- Quá trình công tác:
 - + Từ ngày 01/12/2000 – 30/9/2002: Nhân viên môi giới Công ty CK Công thương – CN TP. Hồ Chí Minh (IBS/HCM).
 - + Từ ngày 01/10/2002 – 28/02/2003: Trưởng phòng môi giới Cty IBS/HCM.
 - + Từ ngày 01/3/2003 – 30/6/2004: Phó Trưởng phòng Kinh doanh Công ty IBS/HCM.
 - + Từ ngày 01/7/2004 – 31/01/2007: Trưởng phòng Kinh doanh – Tư vấn CK của Công ty IBS/HCM.
 - + Từ ngày 01/02/2007 – 28/02/2009: Phó Giám đốc CN Công ty CK Công thương IBS/HCM.
 - + Từ ngày: 01/03/2009 đến nay: Phó TGD kiêm Giám đốc CN TP. HCM Công ty CP Chứng khoán VNS.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

c/- Ông Nguyễn Công Bằng:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 18 tháng 10 năm 1981
- Nơi sinh : Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời, Tỉnh Cà Mau.
- Địa chỉ thường trú: Khóm 6, Phường 9, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.
- Số điện thoại: CQ: (0780) 3828045
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2003 – 2005: Giảng viên Trường Trung học Kinh tế-Kỹ thuật Cà Mau.
 - + Từ năm 2006 đến nay: Tổ phó tổ Kế toán Trường Trung học Kinh tế-Kỹ thuật Cà Mau.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.100 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 800 cổ phần
 - Trong đó: Vợ Nguyễn Ngọc Diệp: 800 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2)- Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát của Công ty:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, năm 2009 Công ty đã chi thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát là: 356.000.000 đồng

- Tổng thù lao chi cho HĐQT : 236.000.000 đồng
- Tổng thù lao chi cho Ban Kiểm soát : 120.000.000 đồng

3)- Các dữ liệu thống kê về cổ đông: (theo danh sách chốt ngày 31/12/2009)

3.1. Cổ đông trong nước:

a/- Cơ cấu cổ đông:

		Tỷ lệ
- Vốn Nhà nước	: 30.800.000.000 đ	38,26%
- Nhà đầu tư chiến lược	: 20.397.230.000 đ	25,34%
- Công nhân viên	: 11.076.340.000 đ	13,76%
- Công đoàn cơ sở Cty	: 1.843.540.000 đ	2,29%
- Cổ đông bên ngoài	: <u>16.382.750.000 đ</u>	<u>20,35%</u>
Cộng :	80.499.860.000 đ	100%

Stt	Danh mục	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ/ VDL (%)
1	Cổ đông Tổ chức	5.502.077	68,35
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	5.119.723	63,60
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	382.354	4,75
2	Cổ đông cá nhân	2.547.909	31,65
	Tổng cộng	8.409.986	100,00

b/- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	ĐKKD	Địa chỉ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ/ VDL (%)
1	Tổng Cty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	0106000737	06 Phan Huy Chú, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.080.000	38,26
2	Tổng Cty Dầu Việt Nam - Cty TNHH Một thành viên	0305795054	Tầng 14-17 Tòa nhà Petro Việt Nam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	1.155.000	14,35
3	Cty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư Petec	4106000302	194 Nam Kỳ khởi Nghĩa, Q3. TP.HCM	884.723	10,99
Tổng cộng				5.119.723	63,61

3.2. Cổ đông nước ngoài: không có

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Lưu.